

Số 59/2023/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Quang Năng

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Quyết- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2023, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 61/2023/QĐ-TA ngày 04 tháng 4 năm 2023, bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị V; sinh ngày 10/8/1992; Hộ chiếu số B7844866; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang cư trú tại: A L street, C, NSW 2166, Úc (vắng mặt tại phiên họp)

- Người yêu cầu: Anh Milan F; sinh ngày 07/5/1980; Hộ chiếu số 35553130; Địa chỉ: C, P c.p.4806, okres C, Cộng hòa S.(vắng mặt tại phiên họp)

Người tham gia tố tụng khác:

- Chị Nguyễn Thị Thu H; địa chỉ: Số D, Ngõ L, khu phố P, phường Đ, Thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. (có mặt tại phiên họp).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu ly hôn, Bản tự khai cũng như các tài liệu khác có tại hồ sơ, chị Nguyễn Thị V trình bày như sau:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh M Fedák đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 5 năm 2011 tại Sở tư pháp, tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến tháng 10/2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về ngôn ngữ, phong cách sống, vợ chồng thiếu sự chia sẻ nên tình cảm phai nhạt. Anh Milan F đã bỏ đi ngay khi mâu thuẫn xảy ra. Kể từ thời điểm đó, vợ chồng không quan tâm tới nhau và cắt đứt mọi liên lạc. Xác định không còn tình cảm nên chị V làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử cho chị được ly hôn với anh Milan F.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 13/3/2023, anh Milan F trình bày thống nhất với chị V về thời gian kết hôn, thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, các mối quan hệ về con chung và tài sản chung. Anh Milan F yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh và chị V, đề nghị vắng mặt và ủy quyền giao nhận tài liệu cho chị Nguyễn Thị Thu H,

Người tham gia tố tụng khác, chị Nguyễn Thị Thu H đồng ý nhận ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ của chị Nguyễn Thị V và anh Milan F.

Tại phiên họp, chị Nguyễn Thị V và anh M Fedák vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Milan F. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang cư trú tại nước ngoài (Có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài). Anh Milan F, quốc tịch: Séc, có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ quy định tại các Điều 29, 35, 37, 39 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Các tài liệu, giấy tờ của chị Nguyễn Thị V được gửi về qua được bưu điện đã được xác nhận của Đ tại Úc là giấy tờ, tài liệu hợp pháp. Các tài liệu chứng cứ của anh M Fedák gửi về qua đường bưu điện đã được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Hiệp định tương trợ tư pháp. Căn cứ quy định tại Điều 478 Bộ luật tố

tụng dân sự và Điều 124 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Các tài liệu của anh Milan F là giấy tờ, tài liệu hợp pháp.

[1.3] Tại phiên họp, chị Nguyễn Thị V và anh M Fedák vắng mặt, tuy nhiên cả hai đều có yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết và giải quyết sớm vụ việc. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng người yêu cầu theo thủ tục chung.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Milan F đã đăng ký kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 18 tháng 5 năm 2011. Căn cứ quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị V và anh Milan F là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị V và anh Milan F thấy rằng:

Theo trình bày của hai anh chị: Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn (tháng 5/2011 đến tháng 10/2011) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân được cả hai rút ra là do bất đồng về ngôn ngữ, phong cách sống, vợ chồng thiếu sự chia sẻ nên tình cảm phai nhạt. Từ tháng 10/2011 vợ chồng không còn sống chung và không còn liên lạc với nhau. Cả hai đều mong muốn được ly hôn.

Như vậy, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ “*Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình*” (Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình) và “không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc”. Đã gần 13 năm vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng. Khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung.

[4] Quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5] Lệ phí: Chị Nguyễn Thị V tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 361, 367, 369, 370, 371, 149; khoản 1 Điều 470; Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 2, các Điều 19, 51, 55, 123, 124, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Milan F.

2. Về quan hệ con chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị V (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000494 ngày 16/3/2023 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 18/4/2023.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh (2 bản);
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi thực hiện ĐKKH;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Bùi Quang Năng